



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		607.748.746.564	687.051.801.844
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14.298.372.393	11.224.313.832
111	1. Tiền		4.298.372.393	6.492.313.832
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	4.732.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		318.900.000	10.300.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	318.900.000	10.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		590.196.895.904	645.475.219.994
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	588.875.754.592	168.769.682.234
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.382.538.255	482.556.633.184
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	459.706.511	1.670.008.030
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.521.103.454)	(7.521.103.454)
140	IV. Hàng tồn kho	9	806.538.137	16.729.055.775
141	1. Hàng tồn kho		806.538.137	16.729.055.775
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.128.040.130	3.323.212.243
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	135.205.645	123.543.221
152	2. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ		1.892.094.785	2.759.888.384
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	100.739.700	439.780.638
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		439.376.951.536	535.631.242.305
220	II. Tài sản cố định		134.215.497.240	223.644.327.469
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	132.213.847.240	141.242.677.469
222	- Nguyên giá		182.297.817.622	182.710.053.986
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(50.083.970.382)	(41.467.376.517)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2.001.650.000	82.401.650.000
228	- Nguyên giá		2.001.650.000	82.401.650.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.332.157.637	1.332.157.637
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.332.157.637	1.332.157.637
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	30.556.920.874	31.455.256.918
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		54.160.000.000	54.160.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(23.603.079.126)	(22.704.743.082)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		273.272.375.785	279.199.500.281
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	273.272.375.785	279.199.500.281
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.047.125.698.100	1.222.683.044.149

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		526.701.464.966	604.453.905.624
310	I. Nợ ngắn hạn		429.256.251.114	490.955.774.365
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	65.028.207.302	173.749.348.599
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		12.813.174	988.344.900
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	66.690	35.139.259
314	4. Phải trả người lao động		79.451.951	93.138.574
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	103.678.237.888	73.540.578.924
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	252.681.249.972	234.772.999.972
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.776.224.137	7.776.224.137
330	II. Nợ dài hạn		97.445.213.852	113.498.131.259
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	86.941.666.645	106.277.166.624
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	.a	10.503.547.207	7.220.964.635
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		520.424.233.134	618.229.138.525
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	520.424.233.134	618.229.138.525
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		693.299.280.000	693.299.280.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		693.299.280.000	693.299.280.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		15.692.449.297	15.692.449.297
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(190.588.982.149)	(93.012.034.198)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		(93.012.034.198)	4.582.859.832
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		(97.576.947.951)	(97.594.894.030)
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		5.270.585.986	5.498.543.426
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.047.125.698.100	1.222.683.044.149

Bùi Thái Huyền
Người lập

Trần Thị Yến Chi
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	VND		VND	
			Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	229.450.495.787	1.256.123.026.542	121.290.284.742	832.328.640.195
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		229.450.495.787	1.256.123.026.542	121.290.284.742	832.328.640.195
11	4. Giá vốn hàng bán	21	234.560.268.717	1.243.240.833.757	127.328.819.870	846.789.993.729
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(5.109.772.930)	12.882.192.785	(6.038.535.128)	(14.461.353.534)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	96.819.294	3.089.775.282	725.485.695	1.964.333.165
22	7. Chi phí tài chính	23	15.378.136.497	32.178.052.159	10.228.437.350	15.745.441.460
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		13.900.687.836	13.900.687.836	10.221.694.501	10.221.694.501
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	493.618.323	740.101.971
25	9. Chi phí bán hàng	24	40.282.374	148.097.122	26.735.598	80.206.794
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.583.102.456	5.588.176.049	439.606.539	10.821.931.177
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(22.014.474.963)	(21.942.357.263)	(15.514.210.597)	(38.404.497.829)
31	12. Thu nhập khác		-	4.877.867.587	10.800.000	3.481.058.089
32	13. Chi phí khác	26	74.897.833.143	77.457.833.143	1.033.834	621.000.838
40	14. Lợi nhuận khác		(74.897.833.143)	(72.579.965.556)	9.766.166	2.860.057.251
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(96.912.308.106)	(94.522.322.819)	(15.504.444.431)	(35.544.440.578)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-	-	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	3.282.582.572	1.226.895.852	3.754.053.726

3
J730
NG
PH
NHÀ
ANG
ANG-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(96.912.308.106)	(97.804.905.391)	(16.731.340.283)	(39.298.494.304)
61	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(96.830.911.001)	(97.576.947.951)	(16.660.657.217)	(38.934.326.182)
62	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	(81.397.105)	(227.957.440)	(70.683.066)	(364.168.122)
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(1.407)		(562)



Bùi Thái Huyền
Người lập



Trần Thị Yên Chi
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2021

4
P. HẢI
NH
KHẨU
Y
78-C

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến	Từ 01/01/2020 đến
			30/09/2021	30/09/2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(94.522.322.819)	(35.544.440.578)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.884.547.499	8.800.724.440
03	- Các khoản dự phòng		898.336.044	(99.183.476.847)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		367.771.159	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		74.304.384.706	79.984.812.629
06	- Chi phí lãi vay		13.900.687.836	31.665.952.564
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	(246.483.648)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.833.404.425	(14.522.911.440)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		55.273.614.562	163.963.730.516
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		15.922.517.638	(56.001.603.024)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(109.403.564.862)	(116.923.042.912)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.915.462.072	6.656.568.613
14	- Tiền lãi vay đã trả		15.970.916.073	(1.107.365.984)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(304.870.015)	(3.365.027.722)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.792.520.107)	(21.299.651.953)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.291.818.182)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		6.160.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.900.000)	(300.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	7.000.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	27.638.936.700
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.154.403.213	85.391.564
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		17.295.503.213	33.132.510.082
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(1.427.249.979)	(27.057.249.979)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.427.249.979)	(27.057.249.979)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến	Từ 01/01/2020 đến
			30/09/2021	30/09/2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.075.733.127	(15.224.391.850)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		11.224.313.832	22.002.756.461
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.674.566)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>14.298.372.393</u>	<u>6.778.364.611</u>


Bùi Thái Huyền
Người lập

Trần Thị Yến Chi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 27 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 633.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2021 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 là: 49 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 61 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Dịch vụ kho vận, bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, bao gồm: Dịch vụ đại lý tàu biển, Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung).

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Hải Phòng	98,63%	98,63%	Dịch vụ cảng và hoạt động hỗ trợ xuất nhập khẩu

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

200
CÓN
CỔ P
ÍT NH
QUẢN
SÁNG

ca

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo nên việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 14 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2007
CÔNG
CỔ
HỘI
QUẢN
TRỊ
G. B. A.

A

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm phân bón và hóa chất phục vụ sản xuất phân bón, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.422.826.407	1.687.817.886
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.875.545.986	4.804.495.946
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	4.732.000.000
	<u><u>14.298.372.393</u></u>	<u><u>11.224.313.832</u></u>

Tại ngày 30/09/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng với lãi suất 3,3%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	318.900.000	-	10.300.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	318.900.000	-	10.300.000.000	-
	318.900.000	-	10.300.000.000	-

Tại ngày 30/09/2021, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 318.900.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất 6,3%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	4.560.000.000	(728.720.931)	4.560.000.000	(255.575.748)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	34.000.000.000	(18.960.411.387)	34.000.000.000	(19.264.708.887)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	15.600.000.000	(3.913.946.808)	15.600.000.000	(3.184.458.447)
	54.160.000.000	(23.603.079.126)	54.160.000.000	(22.704.743.082)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 30/09/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	Hà Nội	19,00%	19,00%	Kinh doanh thương mại
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	Hải Phòng	18,89%	18,89%	Kinh doanh thương mại
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	Hà Nội	15,00%	15,00%	Kinh doanh thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương	149.662.050.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại quốc tế Bình Minh	131.716.270.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	-	-	33.583.282.094	-
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	174.412.950.000	-	82.136.400.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	116.148.072.995	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	16.936.411.597	(3.055.277.542)	53.050.000.140	(3.055.277.542)
	588.875.754.592	(3.055.277.542)	168.769.682.234	(3.055.277.542)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu EAG	-	-	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	-	-	72.063.362.995	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu	-	-	112.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hoá chất Phúc Lâm	4.465.825.912	(4.465.825.912)	4.465.825.912	(4.465.825.912)
Nguyễn Văn Hiệp	-	-	10.000.000.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	3.916.712.343	-	184.027.444.277	-
	8.382.538.255	(4.465.825.912)	482.556.633.184	(4.465.825.912)

3200
CÔNG
CỔ
JÁT N
QUA
G BÀ

Handwritten mark

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi	85.489.889	-	1.144.277.808	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	1.206.150	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	212.850	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	94.600	-
Ký cược, ký quỹ Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	225.000.000	-	375.000.000	-
Phải thu khác	149.216.622	-	149.216.622	-
	459.706.511	-	1.670.008.030	-

8 . NỢ XẤU

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	-
- Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-
- Các khoản khác	191.679.004	-	191.679.004	-
	7.521.103.454	-	7.521.103.454	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	652.087.280	-	652.087.280	-
Hàng hoá	154.450.857	-	16.076.968.495	-
	806.538.137	-	16.729.055.775	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
- Hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	868.862.182	868.862.182
- Hệ thống PCCC tại Kho Ngoại quan Đình Vũ	319.545.455	319.545.455
- Hệ thống hàng rào ngăn cách giai đoạn I và giai đoạn 2 dự án Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	143.750.000	143.750.000
	1.332.157.637	1.332.157.637

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	132.360.106.460	6.574.371.773	41.570.497.238	2.205.078.515	182.710.053.986
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(412.236.364)	-	(412.236.364)
Số dư cuối kỳ	132.360.106.460	6.574.371.773	41.158.260.874	2.205.078.515	182.297.817.622
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	24.986.402.538	423.082.605	14.831.715.526	1.226.175.848	41.467.376.517
- Khấu hao trong kỳ	5.339.104.713	7.691.436	3.366.674.493	171.076.857	8.884.547.499
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(267.953.634)	-	(267.953.634)
Số dư cuối kỳ	30.325.507.251	430.774.041	17.930.436.385	1.397.252.705	50.083.970.382
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	107.373.703.922	6.151.289.168	26.738.781.712	978.902.667	141.242.677.469
Tại ngày cuối kỳ	102.034.599.209	6.143.597.732	23.227.824.489	807.825.810	132.213.847.240

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	70.882.827
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	135.205.645	52.660.394
	135.205.645	123.543.221
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ (*)	272.638.166.695	277.920.511.854
Chi phí hạ tầng	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	634.209.090	1.278.988.427
	273.272.375.785	279.199.500.281

(*) Tiền thuê đất của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ với diện tích thuê: 184.992 m² tại các vị trí CN4.4F, CN4.4G và CN4.4H Khu công nghiệp Đình Vũ; thời hạn thuê đất đến hết ngày 23/06/2058. Tiền thuê đất đã được thanh toán một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phân bón Lào Cai	-	-	73.861.680.000	73.861.680.000
Công ty Cổ phần Ecoparadise Việt Nam	-	-	25.522.200.000	25.522.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Trần Anh	-	-	36.400.000.000	36.400.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long	29.067.565.051	29.067.565.051	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	13.913.414.606	13.913.414.606	-	-
Phải trả các đối tượng khác	22.047.227.645	22.047.227.645	37.965.468.599	37.965.468.599
	65.028.207.302	65.028.207.302	173.749.348.599	173.749.348.599

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	339.040.938	-	753.991.451	414.950.513	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	100.000.000	-	304.870.015	304.870.015	100.000.000	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	739.700	35.139.259	2.563.341	37.635.910	739.700	66.690	-	-	-	66.690
Các loại thuế khác	-	-	84.802.196	84.802.196	-	-	-	-	-	-
	439.780.638	35.139.259	1.146.227.003	842.258.634	100.739.700	66.690				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	30/09/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Kinh phí công đoàn	31.398.144	-	35.147.824	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	-	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	-	-
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đô	24.621.994.262	19.551.542.818	24.549.863.011	24.549.863.011
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng	35.993.424.654	27.891.341.297	1.512.683.974	1.512.683.974
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	41.248.932.119	103.678.237.888	73.540.578.924	73.540.578.924
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.782.488.709	-	-	-
	103.678.237.888	73.540.578.924	103.678.237.888	73.540.578.924
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đô	24.621.994.262	19.551.542.818	24.549.863.011	24.549.863.011
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng	35.993.424.654	27.891.341.297	1.512.683.974	1.512.683.974
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	41.248.932.119	103.678.237.888	73.540.578.924	73.540.578.924
	101.864.351.035	71.992.747.126	101.864.351.035	71.992.747.126



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

17 . VAY

	01/01/2021		Trong kỳ		30/09/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (1)	173.170.000.000	173.170.000.000	-	-	173.170.000.000	173.170.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (2)	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (3)	61.602.999.972	61.602.999.972	19.335.499.979	1.427.249.979	79.511.249.972	79.511.249.972
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng (4)	1.902.999.972	1.902.999.972	1.425.499.979	1.427.249.979	1.901.249.972	1.901.249.972
	234.772.999.972	234.772.999.972	19.335.499.979	1.427.249.979	252.681.249.972	252.681.249.972
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (3)	161.360.000.000	161.360.000.000	-	-	161.360.000.000	161.360.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng (4)	6.520.166.596	6.520.166.596	-	1.427.249.979	5.092.916.617	5.092.916.617
	167.880.166.596	167.880.166.596	-	1.427.249.979	166.452.916.617	166.452.916.617
Kh khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(61.602.999.972)	(61.602.999.972)	(19.335.499.979)	(1.427.249.979)	(79.511.249.972)	(79.511.249.972)
Kh khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	106.277.166.624	106.277.166.624			86.941.666.645	86.941.666.645

730
PH
CÁN
BẢN

ca

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV-201700011 ngày 06/01/2017, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết 31/12/2017;
- + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể trên từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 53.170.000.000 VND;
- + Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(2) Hợp đồng tín dụng số 2111-LAV201700161/HĐTĐ ngày 18/04/2017, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký;
- + Lãi suất cho vay: được quy định theo từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 120.000.000.000 VND;
- + Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDDA/NHCT160-QBS-ICD ngày 18/01/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 231.495.000.000 VND;
- + Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư của Dự án Trung tâm kho bãi tổng hợp Quảng Bình - Đình Vũ;
- + Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: được quy định theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 161.360.000.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là 77.610.000.000 VND;
- + Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(4) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm các hợp đồng vay sau:

(4.1) Hợp đồng cho vay số 82/2019/HĐTĐ/THU/01 ngày 13/02/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 2.009.000.000 VND;
- + Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes-Benz S450 và phí bảo hiểm an tâm tín dụng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phí bảo hiểm an tâm tín dụng;
- + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng giấy nhận nợ và điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 967.916.177 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là 401.249.996 VND;
- + Các hình thức bảo đảm khoản vay: tài sản hình thành từ vốn vay.

78-C
Y
ÂN
P.KH
BÌNH
G-TP

Ch

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

(4.2) Hợp đồng cho vay số 82/2019/HDTD/THU/02 ngày 09/05/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng số 01/SĐBSHĐ/TPBANK ngày 14/05/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 7.499.999.886 VND;
- + Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe nâng Container Kalmar 15LA - 1570;
- + Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay được quy định trong từng giấy nhận nợ và điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 4.124.999.940 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là 1.499.999.976 VND;
- + Các hình thức bảo đảm khoản vay: tài sản hình thành từ vốn vay.

c) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	30/09/2021		01/01/2021	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đô	53.170.000.000	24.621.994.262	53.170.000.000	19.551.542.818
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng	120.000.000.000	35.993.424.654	120.000.000.000	24.549.863.011
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	53.730.000.000	41.248.932.119	35.820.000.000	27.891.341.297
	226.900.000.000	101.864.351.035	208.990.000.000	71.992.747.126

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hà Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND			VND	VND		
Số dư đầu năm trước	693.299.280.000	(3.249.100.000)	(3.249.100.000)	15.692.449.297	4.582.859.832	7.052.559.369	717.378.048.498	
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	(38.934.326.182)	(364.168.122)	(39.298.494.304)	
Tăng khác	-	-	-	-	4.140.376	-	4.140.376	
Giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại công ty liên kết	-	-	-	-	(170.065.601)	-	(170.065.601)	
Giảm do bù đắp khoản phạt vi phạm thuế tại công ty liên doanh liên kết	-	-	-	-	(140.877.126)	-	(140.877.126)	
Giảm khác	-	-	-	-	(21.000.000)	-	(21.000.000)	
Số dư cuối kỳ trước	693.299.280.000	(3.249.100.000)	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(34.679.268.701)	6.688.391.247	677.751.751.843	
Số dư đầu năm nay	693.299.280.000	(3.249.100.000)	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(93.012.034.198)	5.498.543.426	618.229.138.525	
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(97.576.947.951)	(227.957.440)	(97.804.905.391)	
Số dư cuối kỳ này	693.299.280.000	(3.249.100.000)	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(190.588.982.149)	5.270.585.986	520.424.233.134	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu kỳ		Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)	
Ông Nguyễn Thanh Bình	-	0,00%	50.000.000.000	7,21%	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000	13,27%	
Các cổ đông khác	601.293.490.000	86,73%	551.293.490.000	79,52%	
	693.299.280.000	100%	693.299.280.000	100%	



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	693.299.280.000	693.299.280.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	693.299.280.000	693.299.280.000

d) Cổ phiếu

	30/09/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	69.329.928	69.329.928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.692.449.297	15.692.449.297
	15.692.449.297	15.692.449.297

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Ngoại tệ các loại**

	30/09/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	6.450,45	6.545,25

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Thuận Đạt	3.466.214.350	3.466.214.350

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	227.835.211.660	119.224.872.141
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.615.284.127	2.065.412.601
	229.450.495.787	121.290.284.742
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	227.019.970.514	118.786.908.291
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.540.298.203	8.541.911.579
	234.560.268.717	127.328.819.870

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	95.615.294	196.278.761
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.204.000	529.206.934
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
	96.819.294	725.485.695

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.900.687.836	10.221.694.501
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	6.742.849
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	367.771.159	-
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	1.109.677.502	-
	15.378.136.497	10.228.437.350

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.282.374	26.735.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
	40.282.374	26.735.598

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.715.281	144.701.823
Chi phí nhân công	1.002.272.769	1.292.331.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định	322.014.015	292.343.786
Thuế, phí, lệ phí	2.590.953	1.740.477
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.987.400.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.741.195	336.854.576
Chi phí khác bằng tiền	52.768.243	359.033.906
	1.583.102.456	439.606.539

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	74.400.000.000	-
Tiền thuế truy thu	420.190.778	-
Các khoản bị phạt	67.606.172	-
Chi phí tài trợ các chính sách phúc lợi xã hội	-	-
Chi phí khác	10.036.193	1.033.834
	74.897.833.143	1.033.834



Bùi Thái Huyền
Người lập



Trần Thị Yên Chi
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam
- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQ HĐKD hợp nhất của Công ty giảm 80,180 tỷ đồng so với quý III/2020. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý III/2021 của Công ty đạt 229,450 tỷ đồng, tăng 108,160 tỷ đồng tương ứng tăng 89,17% so với quý III/2020. Thu nhập khác giảm 0,010 tỷ đồng. Chi phí khác tăng 74,897 đồng so với quý III/2020.
- Tổng giá vốn hàng bán tăng 107,231 tỷ đồng, tương ứng tăng 84,22% so với Quý III/2020. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 0,628 tỷ đồng so với quý III/2020. Chi phí tài chính tăng 5,149 tỷ đồng tương ứng tăng 50,35% so với quý III/2020 do trong quý III/2021 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản lãi vay ngắn hạn.

Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý III/2021 giảm 80,180 tỷ đồng tương ứng giảm 479,23% so với quý III/2020.



Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính
giải trình lên HOSE và UBCKNN về số liệu lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả
kinh doanh hợp nhất của quý III/2021 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CP
CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



CP
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thị Thanh Hương



Số: 04 -10/2021/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính Quý III năm 2021

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:
<https://quangbinhjsc.com.vn/news/496-bao-cao-tai-chinh-quy-3-nam-2021>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng quý III năm 2021
- Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2021



NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG